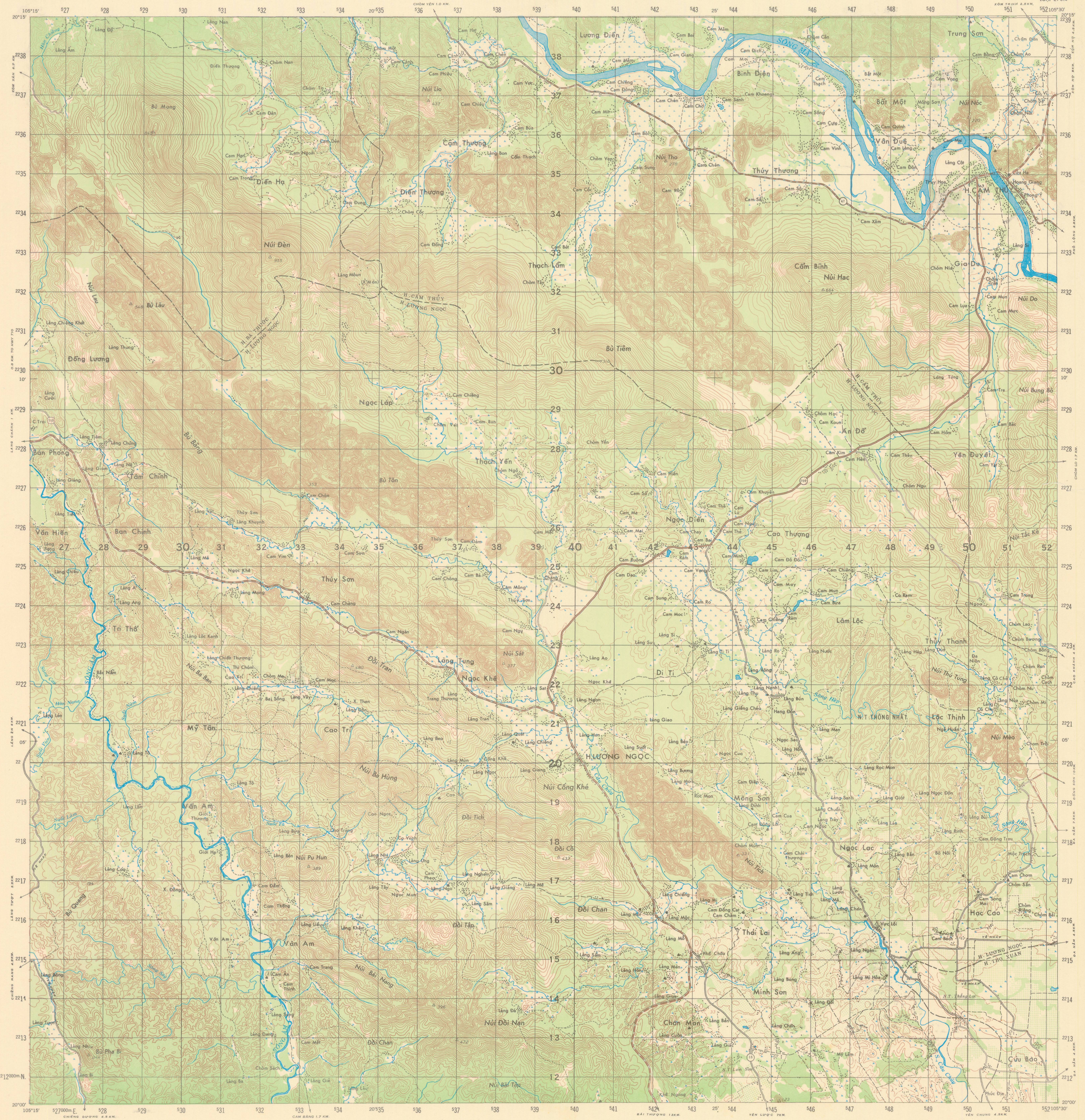




CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU-0.Đ.N.D.V.N
In lần thứ hai năm 1979 theo 1:50000 in năm 1975
Chỉnh lý bổ sung theo 1:100000 U.T.M in năm 1978

BIÊN GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ NHẬP

LEGEND—LÉGENDE—CHỮ TỬ
MAP INFORMATION AS OF 1964
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1964
BẢN ĐỒ TỈNH TỤC NĂM 1964

On this map a 1:50000 scale is considered as being a minimum of 24 m. (10 feet) in width
Sur cette carte une 1:50000 correspond à une largeur minimum de 24 mètres (10 pieds)
Trên bản đồ này một LỖI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

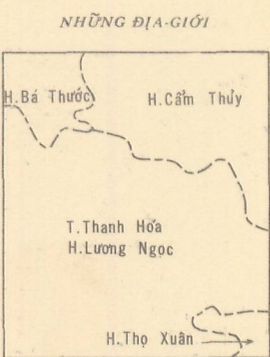
CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES
LES COURBES INTERCALAIRES: 10 MÈTRES

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ THÙNG 10 MÉT

SPHEROID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
GRID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

EVEREST
KHỐI BÀU ĐỤC
Ô VUÔNG
HỆ THỐNG CHIỀU
BÌNH DIỆN CHUẨN
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN
HỆ THỐNG TRẮC CẦU AN-ĐO 1960



6049 IV	6049 I	6149 IV
6049 III	6049 II	6149 III
6048 IV	6048 I	6148 IV